COALIMEX

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDINGS CORPORATION LIMTED
VINACOMIN - COAL IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Add: Floor 28, No. 3 Duong Dinh Nghe Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam
Telephone: +84 24 3942 4634 *** Fax: +84 24 3942 2350

THƯ MỜI THAM GIA CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi: Các nhà thầu

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-CLM ngày 03/11/2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex) về việc phê duyệt hồ sơ chào hàng cạnh tranh.

Công ty Coalimex kính mời những Nhà cung cấp tham gia gói thầu với thông tin chi tiết như sau:

1. Tên gói thầu: May đồng phục công sở cho CBCNV Công ty năm 2026
2. Số lượng: Theo Hồ sơ yêu cầu
3. Thời gian giao hàng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10/12/2026, bao gồm lấy số đo, may, thử, chỉnh sửa, bàn giao và nghiệm thu; hoàn thành bàn giao chậm nhất ngày 10/12/2026.
4. Địa điểm đo và giao hàng: tại Hà Nội, Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh
5. Ngày đăng tải toàn bộ HSYC đã duyệt trên website Công ty: 16 giờ 00 ngày 03/11/2026.
6. Địa điểm nộp HSĐX: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin, Tầng 28, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
7. Thời điểm dừng tiếp nhận HSĐX: dự kiến 8 giờ 00 ngày 09/11/2026.
8. Thời điểm mở HSĐX: dự kiến 8 giờ 30 ngày 09/11/2026.

Các thông tin khác được quy định chi tiết trong HSYC đính kèm.

Trong trường hợp Nhà cung cấp cần thêm thông tin, đề nghị liên hệ với Coalimex qua email: tcld@coalimex.vn.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Website Cty;
- Lưu: TCHC

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100100004 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN COALIMEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Minh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251 /QĐ-CLM

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-CLM ngày 30/7/2026 của Giám đốc Công ty về việc ban hành "Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ";

Căn cứ Đề nghị mua sắm ngày 02/11/2026 của phòng Tổ chức - Hành chính đã được phê duyệt;

Căn cứ Tờ trình ngày 03/11/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói cung cấp may đồng phục công sở cho CBCNV Công ty năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói cung cấp may đồng phục công sở cho CBCNV Công ty năm 2026 (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chuyên gia, Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (e-copy);
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100100304-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN
COALIMEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Minh

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên Gói Cung cấp: May đồng phục công sở cho CBCNV Công ty năm 2026

Địa điểm: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Phát hành ngày: Ngày 03/11/2026

Kèm theo Quyết định số 251 /QĐ-CLM ngày 03 tháng 11 năm 2026

Bên mời thầu



Định nghĩa và viết tắt:

Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

HSYC: Hồ sơ Yêu cầu

HSĐX: Hồ sơ Đề xuất

NCC: Nhà Cung cấp

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

1. Phạm vi Gói Cung cấp

1.1 Công ty mời NCC tham gia báo giá cho Gói Cung cấp nêu tại Mục 1.2 dưới đây, theo các điều khoản nêu tại Hồ sơ yêu cầu này.

1.2 Phạm vi Gói Cung cấp: Cung cấp dịch vụ may đồng phục cho CBCNV Công ty (chi tiết đính kèm).

1.3 Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

1.4 Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10/12/2026, bao gồm lấy số đo, may, thử, chỉnh sửa, bàn giao và nghiệm thu; hoàn thành bàn giao chậm nhất ngày 10/12/2026.

2. Tư cách hợp lệ của NCC

2.1 NCC là tổ chức:

(a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp;

(b) Hạch toán tài chính độc lập;

(c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; và

(d) Có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện gói cung cấp;

(e) Bảo đảm cạnh tranh trên thị trường về cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ;

2.2 NCC là cá nhân:

(a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

(b) Có trình độ hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;

(c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; và

(d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Làm rõ, sửa đổi HSYC

3.1 Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Công ty không muộn hơn ngày 05/11/2026. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC

của NCC, Công ty sẽ có văn bản trả lời gửi cho NCC có yêu cầu làm rõ và tất cả các NCC khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Công ty. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, Công ty sẽ tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 3.2 dưới đây.

3.2 Sửa đổi HSYC

HSYC có thể được sửa đổi theo quyết định của Công ty và được gửi đến tất cả NCC đã nhận HSYC. Trường hợp sửa đổi ảnh hưởng thời gian chuẩn bị HSĐX, Công ty xem xét gia hạn để bảo đảm thời gian chuẩn bị theo khoản 11.2 Quy định kèm Quyết định số 178/QĐ-CLM ngày 30/7/2026.

Trong trường hợp sửa đổi HSYC, Công ty có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu.

4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

4.1 NCC phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

4.2 Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4.3 HSĐX và tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa Công ty và NCC phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

5. Thành phần của HSĐX

HSĐX bao gồm:

(1) Thư Chào hàng (theo Mẫu số 01 tại Chương III);

(2) Biểu giá (theo Mẫu số 02 tại Chương III);

(3) Thỏa thuận Liên danh, trong trường hợp có liên danh giữa các NCC (theo Mẫu số 05 tại Chương III);

(4) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC;

6. Giá chào và giảm giá

6.1 Giá chào ghi trong Thư Chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện Gói Cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

6.2 Phạm vi công việc mà NCC đề xuất thực hiện phải bao gồm toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 trên đây.

6.3 Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Thư Chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, NCC phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Công ty nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Công ty giữ như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của NCC.

6.4 Giá chào của NCC phải bao gồm tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Các HSĐX mà có giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí sẽ được coi là không hợp lệ và sẽ bị loại. Riêng VAT áp dụng theo quy định tại thời điểm hiện tại.

7. Thời gian có hiệu lực của HSĐX

7.1 Thời gian có hiệu lực của HSĐX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn thời hạn nêu trên sẽ được coi là không hợp lệ và không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

7.2 Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Công ty có thể đề nghị các NCC gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu NCC không chấp nhận việc gia hạn thì HSĐX của NCC này không được xem xét tiếp. NCC chấp nhận đề nghị gia hạn không được thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX.

8. Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng

9. Quy cách HSĐX

9.1 NCC phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp. HSĐX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT".

9.2 Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của NCC phải được niêm phong và ghi rõ tên Gói Cung cấp, tên NCC, tên Công ty. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của NCC.

9.3 NCC phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng NCC thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng NCC thì HSĐX của NCC bị loại.

9.4 Tất cả các tài liệu của HSĐX phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của NCC, hoặc người được người đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ.

9.5 Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa

hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Thư Chào hàng.

10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSĐX

10.1 NCC nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX theo đường bưu điện tới địa chỉ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Tầng 28, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, không muộn hơn 8 giờ 00 phút, ngày 09/11/2026. Các HSĐX mà Công ty nhận được sau khi hết thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.

10.2 Công ty sẽ tiếp nhận HSĐX của tất cả NCC nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu.

10.3 NCC có thể rút lại, thay thế hoặc sửa đổi HSĐX trước thời điểm đóng thầu.

11. Mở HSĐX

11.1 Công ty mở công khai HSĐX của các NCC vào lúc 8 giờ 30 ngày 09/11/2026 tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin, Tầng 28, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội. NCC có quyền tham dự buổi mở HSĐX. Tuy nhiên ngay cả khi NCC không có mặt tại buổi mở HSĐX, việc mở HSĐX vẫn được tiến hành.

11.2 Các HSĐX sẽ được mở lần lượt theo thứ tự chữ cái tên của NCC và theo trình tự sau đây:

(1) Kiểm tra niêm phong;

(2) Mở bản gốc HSĐX và đọc rõ thông tin sau: tên NCC, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong Thư Chào hàng và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSĐX, thời gian thực hiện hợp đồng, và các thông tin khác mà Công ty thấy cần thiết;

(3) Đại diện của Công ty ký xác nhận vào bản gốc thư chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có).

11.3 Công ty sẽ lập biên bản mở HSĐX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 11.2 trên đây.

12. Làm rõ HSĐX

12.1 Sau khi mở thầu, NCC có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Công ty.

12.2 NCC cung cấp tài liệu làm rõ tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu bằng văn bản và thời hạn do Công ty ấn định; việc làm rõ không làm thay đổi nội dung cơ bản và giá chào của HSĐX.

12.3 Việc làm rõ HSĐX sẽ không làm thay đổi bản chất của NCC, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

13. Giao lại công việc

13.1 Nếu NCC có ý định giao lại một phần Gói Cung cấp cho nhà thầu phụ thực hiện, việc này phải được ghi rõ trong HSĐX cùng với thông tin chi tiết về nhà thầu phụ. Công ty có toàn quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép giao lại công việc cho nhà thầu phụ. Ngay cả trong trường hợp Công ty cho phép, NCC vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện công việc của nhà thầu phụ và tổng phần việc giao cho nhà thầu phụ không được vượt quá 50% tổng giá trị được NCC chào cho Gói Cung cấp.

14. Đánh giá HSĐX và thương thảo hợp đồng

14.1 Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. NCC có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời thương thảo hợp đồng.

14.2 Các bên sẽ thương thảo hợp đồng trên cơ sở HSĐX (bao gồm các tài liệu làm rõ HSĐX, nếu có), HSYC và các tài liệu liên quan khác.

14.3 Nội dung thương thảo hợp đồng:

(1) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa thống nhất giữa HSYC và HSĐX, về các nội dung chưa đủ rõ ràng hoặc mâu thuẫn với nội dung khác trong HSĐX;

(2) Thương thảo về các sai lệch do NCC phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

(3) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn NCC (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của Gói Cung cấp; và

(4) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

14.4 Trên cơ sở kết quả thương thảo, các bên sẽ hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận, Công ty sẽ mời NCC tiếp theo thương thảo hợp đồng.

15. Điều kiện trúng thầu

15.1 NCC được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Có HSĐX hợp lệ;

(2) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

(3) Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

(4) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

(5) Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi

tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất; và

(6) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Gói Cung cấp được phê duyệt.

16. Thông báo kết quả lựa chọn NCC

Kết quả lựa chọn NCC sẽ được gửi đến tất cả NCC tham dự chào hàng bằng văn bản.

17. Điều kiện ký kết hợp đồng

17.1 Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của NCC được lựa chọn phải còn hiệu lực và NCC được lựa chọn phải vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện Gói Cung cấp.

18. Thay đổi khối lượng hàng hóa/khối lượng công việc

18.1 Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ không quá 10% so với khối lượng công việc ban đầu. Đơn giá và các điều khoản khác của HSYC và HSĐX sẽ không thay đổi.

19. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: không yêu cầu, theo điểm (f) khoản 8.6.2 Quy định kèm Quyết định số 178/QĐ-CLM ngày 30/7/2026 và chấp thuận của Giám đốc Công ty tại Đề nghị mua sắm đã được phê duyệt.

20. Giải quyết kiến nghị của NCC

20.1 NCC có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn NCC và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

20.2 Địa chỉ nhận thư kiến nghị:

- Địa chỉ nhận thư kiến nghị: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Email: tcld@coalimex.vn hoặc chink@coalimex.vn

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1 Kiểm tra HSĐX:

(1) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;

(2) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn NCC;

(3) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2 Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

(1) Có bản gốc HSĐX;

(2) Thư Chào hàng được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSYC. Đối với NCC liên danh, Thư Chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Thư Chào hàng theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh; trường hợp người đại diện hợp pháp của NCC ủy quyền cho người khác ký/đóng dấu thì phải có giấy tờ ủy quyền (mẫu số 03 tại Chương III)

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong Thư Chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

(4) Giá chào ghi trong Thư Chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty;

(5) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I – Chỉ dẫn NCC;

(6) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

(7) Có thỏa thuận liên danh hợp lệ trong trường hợp tham dự với tư cách liên danh; không áp dụng với NCC độc lập.

(8) NCC có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn NCC.

NCC có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

- Có số năm hoạt động tối thiểu 03 năm.

- Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của NCC:
- Nhà cung cấp đã thực hiện thành công ít nhất 01 hợp đồng may trang phục công sở từ năm 2023 đến thời điểm đóng thầu với giá trị hợp đồng lớn hơn hoặc bằng 1,5 tỷ đồng.
- Nhà cung cấp phải nộp một trong các tài liệu sau đây làm bằng chứng đã cung cấp gói may đồng phục công sở thành công:

  + Thư xác nhận của Người Mua;

  + Hóa đơn thuế GTGT/Hóa đơn thương mại kèm theo hợp đồng đã ký.

  * NCC đã thực hiện cung cấp cho Người Mua giai đoạn 2023–2026 có thể liệt kê số hợp đồng; tài liệu chứng minh được kiểm tra theo HSYC.
- Yêu cầu về năng lực tài chính của NCC:

  + Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 (hai năm tài chính đã hoàn thành gần nhất).

  Đính kèm bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) như đã nêu trên tuân thủ các điều kiện sau:

  - ☐ Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
  - ☐ Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định
  - ☐ Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính chưa kiểm toán kèm theo Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

  + Năng lực tài chính được đánh giá là đạt khi đáp ứng các điều kiện sau:

  - ☐ Doanh thu lớn hơn hoặc bằng tổng giá trị gói hàng hóa/dịch vụ tham gia chào giá
  - ☐ Kết quả kinh doanh của BCTC gần nhất có lợi nhuận dương và không có lỗ lũy kế
  - ☐ BCTC của NCC đảm bảo không mất cân đối về nguồn vốn (Vốn chủ sở hữu + vay dài hạn lớn hơn hoặc bằng tổng tài sản dài hạn).

  + Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

  + Các tài liệu khác (nếu có).

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. HSĐX

được đánh giá về năng lực và kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá đạt.

3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Nguyên liệu sử dụng trong Biểu giá đáp ứng theo HSYC.

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật. HSĐX được đánh giá là đạt về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng NCC. HSĐX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại

thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Công ty cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói Cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của NCC này; trường hợp HSĐX của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán của Gói Cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong Thư Chào hàng.

PHẠM VI GÓI CUNG CẤP
(Kèm theo Hồ sơ yêu cầu của gói may đồng phục cho CBCNV Công ty năm 2026)

I. Số lượng, chất liệu và màu sắc:

Nội dung	Số lượng (chiếc)	Màu sắc	Chất liệu vải
Đồng phục nam			
Áo vest nam	82	Ghi đậm (xám lông chuột)	+ Thành phần nguyên liệu: 67% polyeste, 31% rayon, 2% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; + Khối lượng: 210 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 380 (sợi/10cm) (±10); Ngang 320 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 38/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi có chun 27/1 (Ne) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1150 N; Ngang > 500 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4 + Theo mẫu vải duyệt
Quần âu	164		
Áo sơ mi dài tay	164	Trắng	+ Thành phần nguyên liệu: 46% polyeste, 50% visco, 4% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 3/1; + Khối lượng: 160 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 690 (sợi/10cm) (±10); Ngang 430 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 105/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi đơn có chun 52/1 (Den) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1000 N; Ngang > 350 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4; + Độ trắng (cấp) theo thang độ trắng của CIBA-GEIGY: ≥ 10 + Theo mẫu vải duyệt
Áo sơ mi ngắn tay	164		
Đồng phục nữ			
Áo vest nữ	70	Ghi đậm (xám lông chuột)	+ Thành phần nguyên liệu: 67% polyeste, 31% rayon, 2% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; + Khối lượng: 210 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 380 (sợi/10cm) (±10); Ngang 320 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 38/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi có chun 27/1 (Ne) (±3);
Quần âu/Zuyp	210		

Nội dung	Số lượng (chiếc)	Màu sắc	Chất liệu vải
			+ Độ bền kéo đứt: Dọc > 1150 N; Ngang > 500 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4 + Theo mẫu vải duyệt
Áo sơ mi dài tay	140	Trắng	+ Thành phần nguyên liệu: 46% polyeste, 50% visco, 4% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 3/1; + Khối lượng: 160 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 690 (sợi/10cm) (±10); Ngang 430 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 105/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi đơn có chun 52/1 (Den) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1000 N; Ngang > 350 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4; + Độ trắng (cấp) theo thang độ trắng của CIBA-GEIGY: ≥ 10 + Theo mẫu vải duyệt
Áo sơ mi ngắn tay	140		

(Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng chứng minh)

II. Yêu cầu kỹ thuật của từng sản phẩm:

Stt	Danh mục hàng hóa
1	**Áo vest nam**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) - Kiểu dáng: Áo có 2 cúc nẹp, vạt lượn tròn. Cổ 2 ve, có đột cổ + ve nẹp bằng chỉ đồng màu vải chính. + Thân trước có 1 túi cơi ngực bên trái khi mặc. + Mỗi bên thân trước có 1 túi cơi 2 viền có nắp, có đột nắp túi và bọ cơi túi bằng chỉ đồng màu vải chính. + Thân sau có 2 bên xẻ sườn hoặc xẻ giữa + Áo có 1 lớp lót. Mỗi bên thân trước lót có 2 túi cơi 2 viền, có bọ cơi túi bằng chỉ phối, túi cơi lót bên phải khi mặc có đáp khuy. Áo có đáp nách để thấm mồ hôi. Mỗi bên tay áo đính 4 cúc trang trí. + Thân trước lót bên trái khi mặc có 2 túi phone; thân sau lót có may súp giữa sống lưng; ve nẹp lót có đột trang trí bằng chỉ phối. Lót thân áo có dệt logo nhà sản xuất. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
2	**Áo vest nữ**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) Kiểu dáng: Áo vest nữ cổ 2 ve, áo có 2 cúc nẹp, vạt tròn. Áo có 1 lớp lót. Thân trước có chiết eo và 2 túi có nắp. Thân sau bổ cúp. Mỗi bên tay áo đính 3 cúc

Stt	Danh mục hàng hóa
	trang trí. Áo có 1 lớp lót, có đột chỉ trang trí. Bên trong có túi cơi nhỏ. Lót thân áo có dệt logo nhà sản xuất. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
3	**Sơ mi dài tay nam**
	-Màu sắc: trắng. -Kiểu dáng: Cổ đức có xương cá cố định. Nẹp rời, có 6 cúc trên nẹp. + Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực đáy tròn + 1 túi bút nhỏ. + Bác tay tròn, gấu áo đuôi tôm. + Logo thêu trên cổ áo hoặc tay áo theo mẫu đính kèm được duyệt. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
4	**Sơ mi dài tay nữ**
	-Màu sắc: trắng. -Kiểu dáng: Cổ đức, gấu hơi lượn, bác tay tròn đính 2 cúc. + Thân trước ẩn che cúc, có 6 cúc nẹp. + Logo thêu trên cổ áo hoặc tay áo theo mẫu đính kèm được duyệt. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
5	**Quần âu nam**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) -Kiểu dáng: Cạp rời có quai nhê. + Thân trước không ly hoặc có ly, có 2 túi chéo. Thân sau có 2 túi hậu 2 viền và có may 2 chiết ly, có 6 dây pắt xăng - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
6	**Chân váy nữ; quần âu nữ**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) -Kiểu dáng: + Chân váy dáng ôm vừa, có lót. Thân trước có 2 túi chéo ngang, có chiết ly thân trước. Thân sau có khóa kéo và có 2 chiết ly, xẻ sau + Quần âu nữ dáng đứng, thân trước có ly hoặc không ly có 2 túi chéo ngang và có may 2 chiết, 5 dây patxang. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.

III. Các điều kiện khác

1	**Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành**
1.1	Thời gian bảo hành ≥ *03 tháng*
1.2	Thực hiện việc sửa chữa, thay thế những sản phẩm lỗi, hư hỏng trong thời gian và phạm vi bảo hành, ngay sau được báo ≤ 48 giờ
2	**Về dịch vụ ưu đãi sau bán hàng**
2.1	Có cam kết sửa chữa, đổi sản phẩm miễn phí đối với các lỗi của nhà sản xuất hay các hư hỏng như: hỏng phụ kiện (cúc, khóa...), bung đường may... bao gồm cả chi phí vận chuyển trong quá trình sử dụng sản phẩm
2.2	Hướng dẫn bảo quản sản phẩm trong quá trình sử dụng; Tư vấn miễn phí mọi cán bộ nhân viên về thời trang.
3	**Về biện pháp tổ chức sản xuất, giao nhận hàng hóa phù hợp.**
3.1	Có biện pháp tổ chức lấy số đo, sản xuất khoa học, phù hợp với tiến độ cung cấp của nhà thầu
3.2	Có biện pháp tổ chức vận chuyển, thử trang phục và giao nhận sản phẩm phù hợp với tiến độ cung cấp của nhà thầu

IV. Địa điểm lấy số đo và trả hàng hóa

Stt	Địa điểm	Số lượng nam/nữ	Ghi chú
1	Tại số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	Theo danh sách	
2	Tại số 33 Tràng Thi, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	Theo danh sách	
3	Tại số 33B Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Theo danh sách	
4	Tại số 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Theo danh sách	

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

THƯ CHÀO HÀNG[(1)]

Ngày: ___*[ghi ngày tháng năm ký đơn chào giá]*

Tên gói cung cấp: ___*[ghi tên gói cung cấp theo yêu cầu báo giá]*

Yêu cầu báo giá số: ___*[ghi số trích yếu, nếu có, của yêu cầu báo giá]* ngày ___*[ghi ngày phát hành yêu cầu báo giá]*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu đã nhận được, chúng tôi, ____ [ghi tên NCC], cam kết thực hiện gói cung cấp ____ theo đúng HSYC. Giá chào là ____ [bằng số, bằng chữ], kèm biểu giá; đã gồm đầy đủ thuế, phí, lệ phí, VAT và công thêu, in logo. VAT kê khai theo quy định áp dụng.

Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10/12/2026, bao gồm lấy số đo, may, thử, chỉnh sửa, bàn giao và nghiệm thu; hoàn thành bàn giao chậm nhất ngày 10/12/2026.

Chúng tôi cam kết chúng tôi không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

HSĐX này có hiệu lực trong thời gian ____ [(3)]ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____[(4)].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Bản báo giá phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của bản báo giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong bản báo giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu báo giá.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu. Thời gian có hiệu lực của bản báo giá được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong yêu cầu báo giá. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Hồ sơ yêu cầu.

Mẫu số 02

BIỂU GIÁ

Stt	Sản phẩm	Màu sắc	Chất liệu	Đvt	Số lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
1	Áo vest nam	Ghi đậm (xám lông chuột)	+ Thành phần nguyên liệu: 67% polyeste, 31% rayon, 2% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; + Khối lượng: 210 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 380 (sợi/10cm) (±10); Ngang 320 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 38/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi có chun 27/1 (Ne) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1150 N; Ngang > 500 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4 + Theo mẫu vải duyệt	Chiếc	82		
2	Quần âu nam	Ghi đậm (xám lông chuột)		Chiếc	164		
3	Áo vest nữ	Ghi đậm (xám lông chuột)		Chiếc	70		
4	Quần âu/ váy nữ	Ghi đậm (xám lông chuột)		Chiếc	210		
5	Áo sơ mi nam DT	Trắng	+ Thành phần nguyên liệu: 46% polyeste, 50% visco, 4% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 3/1; + Khối lượng: 160 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 690 (sợi/10cm) (±10); Ngang 430 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 105/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi đơn có chun 52/1 (Den) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1000 N; Ngang > 350 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4; + Độ trắng (cấp) theo thang độ trắng của CIBA-GEIGY: ≥ 10 + Theo mẫu vải duyệt	Chiếc	164		
6	Áo sơ mi nữ DT	Trắng		Chiếc	140		
7	Áo sơ mi nam CT	Trắng		Chiếc	164		
8	Áo sơ mi nữ CT	Trắng		Chiếc	140		

Stt	Sản phẩm	Màu sắc	Chất liệu	Đvt	Số lượng	Đơn giá (chưa gồm VAT)	Thành tiền
	Cộng						
	Thuế GTGT						
	Tổng cộng giá chào						

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu số 3

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của ____*[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại ____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ____*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu___*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án____*[ghi tên dự án]* do ____*[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn][2].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____*[ghi tên nhà thầu]*. ____*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với Bản chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu/thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng.

Mẫu số 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2026/HĐKT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005.

Hôm nay, ngày tháng ....năm 2026, tại ..... chúng tôi gồm:

Sau khi thoả thuận, hai bên đã nhất trí ký kết hợp đồng mua bán với các điều khoản dưới đây:

Bên mua (bên A):	**Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin**	
Đại diện:	Ông Phạm Minh	Chức vụ: **Giám đốc Công ty**
Địa chỉ:	Tầng 28, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	
Điện thoại:	024 39424634	Fax: 024 39422350
Tài khoản:	0011000013294	
Tại	Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Sở giao dịch	
Mã số thuế:	0100100304	
Bên bán (bên B):	**.....**	
Đại diện:	…..	Chức vụ: **.....**
Địa chỉ:	….	
Điện thoại:	….	Fax: ….
Tài khoản:	….	
Mã số thuế:	……	

ĐIỀU 1. TÊN HÀNG, QUY CÁCH, GIÁ CẢ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM:

Bên B đồng ý bán cho bên A và bên A đồng ý mua của bên B sản phẩm áo vest, áo sơ mi, quần nam nữ làm đồng phục. Sản phẩm có màu sắc, mẫu vải, quy cách sản phẩm như Bên A đã xác nhận mẫu. Mỗi sản phẩm đựng trong túi …., số lượng, quy cách sản phẩm chi tiết như sau:

Stt	Địa điểm	Số lượng nam/nữ
1	Tại số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	Theo danh sách
2	Tại số 33 Tràng Thi, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	Theo danh sách

3	Tại số 33B Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Theo danh sách
4	Tại số 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Theo danh sách

1.1. Số lượng, giá cả sản phẩm:

Nội dung	Số lượng (chiếc)	Màu sắc	Chất liệu vải	Đơn giá	Thành tiền
Đồng phục nam					
Áo vest nam	82	Ghi đậm (xám lông chuột)	+ Thành phần nguyên liệu: 67% polyeste, 31% rayon, 2% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; + Khối lượng: 210 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 380 (sợi/10cm) (±10); Ngang 320 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 38/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi có chun 27/1 (Ne) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1150 N; Ngang > 500 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4 + Theo mẫu vải duyệt		
Quần âu	164				
Áo sơ mi dài tay	164	Trắng	+ Thành phần nguyên liệu: 46% polyeste, 50% visco, 4% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 3/1; + Khối lượng: 160 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 690 (sợi/10cm) (±10); Ngang 430 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 105/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi đơn có chun		
Áo sơ mi ngắn tay	164				

Nội dung	Số lượng (chiếc)	Màu sắc	Chất liệu vải	Đơn giá	Thành tiền
			52/1 (Den) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1000 N; Ngang > 350 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4; + Độ trắng (cấp) theo thang độ trắng của CIBA-GEIGY: ≥ 10 + Theo mẫu vải duyệt		
Đồng phục nữ					
Áo vest nữ	70	Ghi đậm (xám lông chuột)	+ Thành phần nguyên liệu: 67% polyeste, 31% rayon, 2% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 2/2; + Khối lượng: 210 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 380 (sợi/10cm) (±10); Ngang 320 (sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 38/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi có chun 27/1 (Ne) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1150 N; Ngang > 500 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4 + Theo mẫu vải duyệt		
Quần âu/Zuyp	210				
Áo sơ mi nữ: 140 dài tay, 140 ngắn tay	280	Trắng	+ Thành phần nguyên liệu: 46% polyeste, 50% visco, 4% spandex (±2) + Kiểu dệt: Vân chéo 3/1; + Khối lượng: 160 g/m2 (±10); + Mật độ: Dọc 690 (sợi/10cm) (±10); Ngang 430		

Nội dung	Số lượng (chiếc)	Màu sắc	Chất liệu vải	Đơn giá	Thành tiền
			(sợi/10cm) (±10); + Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc 105/2 (Ne) (±3); Ngang-sợi đơn có chun 52/1 (Den) (±3); + Độ bền kéo đứt: Dọc > 1000 N; Ngang > 350 N; + Độ bền màu giặt A(1); 40oC (cấp): ≥ 4; + Độ trắng (cấp) theo thang độ trắng của CIBA-GEIGY: ≥ 10 + Theo mẫu vải duyệt		
Cộng					
Thuế VAT					
Tổng cộng					

(Bằng chữ ……..)

1.2. Quy cách sản phẩm:

Stt	Danh mục hàng hóa
1	**Áo vest nam**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) - Kiểu dáng: Áo có 2 cúc nẹp, vạt lượn tròn. Cổ 2 ve, có đột cổ + ve nẹp bằng chỉ đồng màu vải chính. + Thân trước có 1 túi cơi ngực bên trái khi mặc. + Mỗi bên thân trước có 1 túi cơi 2 viền có nắp, có đột nắp túi và bọ cơi túi bằng chỉ đồng màu vải chính. + Thân sau có 2 bên xẻ sườn hoặc xẻ giữa + Áo có 1 lớp lót. Mỗi bên thân trước lót có 2 túi cơi 2 viền, có bọ cơi túi bằng chỉ phối, túi cơi lót bên phải khi mặc có đáp khuy. Áo có đáp nách để thấm mồ hôi. Mỗi bên tay áo đính 4 cúc trang trí. + Thân trước lót bên trái khi mặc có 2 túi phone; thân sau lót có may súp giữa sống lưng; ve nẹp lót có đột trang trí bằng chỉ phối. Lót thân áo có dệt logo nhà sản xuất.

Stt	Danh mục hàng hóa
	- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
2	**Áo vest nữ**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) Kiểu dáng: Áo vest nữ cổ 2 ve, áo có 2 cúc nẹp, vạt tròn. Áo có 1 lớp lót. Thân trước có chiết eo và 2 túi có nắp. Thân sau bổ cúp. Mỗi bên tay áo đính 3 cúc trang trí. Áo có 1 lớp lót, có đột chỉ trang trí. Bên trong có túi cơi nhỏ. Lót thân áo có dệt logo nhà sản xuất. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
3	**Sơ mi dài tay nam**
	-Màu sắc: trắng. -Kiểu dáng: Cổ đức có xương cá cố định. Nẹp rời, có 6 cúc trên nẹp. + Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực đáy tròn + 1 túi bút nhỏ. + Bác tay tròn, gấu áo đuôi tôm. + Logo thêu trên cổ áo hoặc tay áo theo mẫu đính kèm được duyệt. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
4	**Sơ mi dài tay nữ**
	-Màu sắc: trắng. -Kiểu dáng: Cổ đức, gấu hơi lượn, bác tay tròn đính 2 cúc. + Thân trước ẩn che cúc, có 6 cúc nẹp. + Logo thêu trên cổ áo hoặc tay áo theo mẫu đính kèm được duyệt. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
5	**Quần âu nam**
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) -Kiểu dáng: Cạp rời có quai nhê. + Thân trước không ly hoặc có ly, có 2 túi chéo. Thân sau có 2 túi hậu 2 viền và có may 2 chiết ly, có 6 dây pắt xăng - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.
6	**Chân váy nữ; quần âu nữ**

Stt	Danh mục hàng hóa
	-Màu sắc: Ghi đậm (xám lông chuột) -Kiểu dáng: + Chân váy dáng ôm vừa, có lót. Thân trước có 2 túi chéo ngang, có chiết ly thân trước. Thân sau có khóa kéo và có 2 chiết ly, xẻ sau + Quần âu nữ dáng đứng, thân trước có ly hoặc không ly có 2 túi chéo ngang và có may 2 chiết, 5 dây patxang. - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ các loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5-5 mũi/ 1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

2.1. Thanh toán theo số lượng thực tế và tổng giá trị ghi trên hoá đơn, nếu vượt quá 10% thì ký phụ lục hợp đồng.

2.2. Bên A phải thanh toán trước cho Bên B 30% giá trị hợp đồng (có VAT) tương đương số tiền là: ***..... đồng*** (Bằng chữ: .....) trong vòng 15 ngày sau khi Hợp đồng giữa hai bên được ký kết.

2.3. Số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chậm nhất trong vòng 15 ngày, kể từ ngày Bên B giao đủ số lượng hàng hóa cho Bên A, Bên A nhận đủ số hàng (có biên bản bàn giao ký nhận giữa hai bên kèm theo) và hóa đơn giá trị gia tăng.

2.4. Hình thức thanh toán: theo điều kiện thanh toán được phê duyệt và thỏa thuận trong hợp đồng.

2.5. Chứng từ thanh toán: Hoá đơn giá trị gia tăng do Bên B phát hành và Hợp đồng mua bán giữa hai bên.

ĐIỀU 3. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM LẤY SỐ ĐO VÀ GIAO HÀNG:

3.1. Địa điểm lấy số đo:

1. Tại số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội;

2. Tại số 33 Tràng Thi, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội;

3. Tại số 33B Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;

4. Tại số 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Thời hạn giao hàng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 10/12/2026; hoàn thành lấy số đo, may, thử, chỉnh sửa, bàn giao và nghiệm thu chậm nhất ngày 10/12/2026.

3.3. Địa điểm giao hàng:

1. Tại số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội;

2. Tại số 33 Tràng Thi, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội;

3. Tại số 33B Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;

4. Tại số 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Thanh toán theo đúng các điều khoản về thanh toán đã ghi trong Điều 2 của hợp đồng này.

b) Bên A có trách nhiệm cung cấp danh sách của các cá nhân may đồng phục để bên B khi sang bên A đo sẽ thuận tiện cho việc ghi chú đăng ký size / cỡ.

c) Trường hợp số lượng, chất lượng không đảm bảo, Bên A phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên B trong vòng 10 ngày sau khi nhận sản phẩm bằng điện thoại, Fax..., nếu Bên A không có thông tin gì về số lượng, chất lượng hàng hoá thì việc kiểm đếm ban đầu coi như hoàn tất; trách nhiệm bảo hành, sửa chữa, thay thế của Bên B theo HSYC và hợp đồng vẫn được bảo lưu.

d) Bên A có trách nhiệm phối hợp cùng với bên B trong việc bàn giao sản phẩm đến từng cá nhân theo đúng size/ cỡ và số lượng đã đăng ký với Bên B.

e) Bên A có trách nhiệm yêu cầu người sử dụng thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng bảo quản sản phẩm gắn phía trong sản phẩm. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với những sản phẩm bị lỗi, hỏng do bên A sử dụng không đúng hướng dẫn trong nhãn đính kèm sản phẩm. Đặc biệt sản phẩm có in lo go không được là (ủi) trực tiếp lên chữ in ở mặt ngoài (phải là (ủi) mặt trong của áo đối với phần in logo - chữ).

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

a) Bên B có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian giao hàng, chất lượng, quy cách sản phẩm theo đúng mẫu mà hai bên đã thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này;

b) Cung cấp hàng đúng tiến độ, số lượng đúng theo yêu cầu của bên A đã được bên B chấp thuận, chất lượng vải theo các điều kiện, điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Cung cấp biên bản bàn giao sản phẩm và hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A.

c) Sau khi ký hợp đồng, Bên B bố trí thợ và dây đo cỡ chuẩn của cả nam và nữ. Hai bên sẽ thống nhất ngày đến bên A đo và thử cỡ theo yêu cầu của bên A.

d) Bên B bảo hành sản phẩm lỗi kỹ thuật, lỗi chất liệu tối thiểu 03 tháng kể từ ngày nghiệm thu; sửa chữa, thay thế trong 48 giờ kể từ khi được thông báo theo HSYC; người sử dụng tuân thủ hướng dẫn bảo quản.

e) Bên B có quyền từ chối sửa chữa đối với những trường hợp gửi số đo, báo số đo qua người khác và những trường hợp yêu cầu sửa chữa không đúng size/cỡ và số đo đã được bên B đo.

<u>ĐIỀU 5.</u> ĐIỀU KHOẢN PHẠT VI PHẠM VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

5.1. Sau khi ký hợp đồng, nếu Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc không có hàng giao theo hợp đồng, Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền bên A đã thanh toán nêu tại điểm 2.2 Điều 2 Hợp đồng này.

5.2. Nếu sau khi ký hợp đồng Bên A đơn phương hủy hợp đồng hoặc không nhận hàng thì Bên A phải chịu mất số tiền đã thanh toán nêu tại điểm 2.2 Điều 2 của Hợp đồng này cho Bên B.

5.3. Nếu Bên A thanh toán chậm so với các điều khoản thanh toán ghi trong hợp đồng thì cứ 01 ngày chậm trả bên A phải chịu phạt vi phạm bằng 0,05% tổng số tiền chưa thanh toán đồng thời Bên B có quyền ngừng cung cấp hoặc thu hồi lại số hàng đã cung cấp cho Bên A.

5.4. Nếu Bên B không thực hiện giao hàng đúng tiến độ cho Bên A (do lỗi của Bên B) thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt 8% Tổng giá trị hàng hóa chưa bàn giao (trừ trường hợp bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bão lụt, tai nạn giao thông…).

ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG:

6.1. Các tranh chấp khiếu nại liên quan tới hợp đồng này sẽ được đại diện của hai bên giải quyết thông qua thương lượng.

6.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết thông qua thương lượng theo Điều 6.1 trên thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày một bên đưa ra thông báo yêu cầu giải quyết tranh chấp thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội để giải quyết, các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua chịu.

6.3. Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, hai bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng nếu như không có thoả thuận nào khác về tạm ngừng hoặc chấm dứt hợp đồng giữa các bên.

ĐIỀU 7. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

7.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng này.

7.2. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa hoặc bổ sung nào trong hợp đồng này đều không có hiệu lực trừ khi chúng được lập thành văn bản có chữ ký và đóng dấu của hai bên.

7.3. Không bên nào có quyền chuyển nhượng quyền lợi và nghĩa vụ của hợp đồng này cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.

7.4. Hợp đồng này được hai bên cam kết bảo mật, nếu bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

7.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

7.6. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi hai bên thực hiện xong các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng và Bên A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, hợp đồng coi như được thanh lý thay vì bản thanh lý hợp đồng được xác lập giữa hai bên

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Mẫu số 5

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Hồ sơ yêu cầu: _____ [điền tên gói cung cấp]

Căn cứ HSYC _____ [điền tên của HSYC] ngày _____ [điền ngày được ghi trong HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết thỏa thuận liên danh, bao gồm:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:_____

- Đại diện là Ông/Bà
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- *Fax:*
- *Email:*
- Tài khoản ngân hàng:
- Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số _____ ngày/tháng/năm (trong trường hợp ủy quyền).

Tên thành viên liên danh thứ hai:_____

- Đại diện là Ông/Bà:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- *Fax:*
- *Email:*
- Tài khoản ngân hàng:
- Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số _____ ngày/tháng/năm (trong trường hợp ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết Thỏa thuận Liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập Liên danh này để tham gia vào quá trình chào hàng cạnh tranh của _____ [chèn tên của HSYC].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến quá trình chào hàng cạnh tranh và quá trình lựa chọn NCC nếu được chọn là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia quá trình lựa chọn NCC nếu được chọn. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong Thỏa thuận liên danh. Bất kỳ thành viên nào của Liên danh từ chối thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận thì phải:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Hình thức xử lý khác _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Tất cả các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm liên đới và riêng rẽ để thực hiện ___ [điền tên của HSYC] như sau:

1. Thành viên đứng đầu Liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho ___ [ghi tên của một bên] làm thành viên đứng đầu Liên danh, đại diện cho Liên danh để thực hiện các công việc sau:

- Ký Đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu với Coalimex trong quá trình dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC; ký văn bản đề nghị rút, sửa đổi hoặc thay thế HSĐX;

- Thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của liên danh theo yêu cầu HSYC được phê duyệt (nếu áp dụng);

- Tham gia đàm phán hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị (nếu có);

2. Các thành viên liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	**Tên**	**Công việc**	**Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu**	**Tỷ lệ % cung cấp đồng phục**
(A)	*(B)*	*(C)*	*(D)*	*(E)*
1	*Tên thành viên đứng đầu liên danh*	-	- % - %	- % - %
2	Tên thành viên thứ hai		- % - %	- % - %
Tổng		**Toàn bộ công việc**	***100%***	***100%***

Lưu ý:

- Số lượng thành viên trong Liên danh không quá 02 thành viên.

- Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cung cấp tối thiểu 70% khối lượng sẽ được cung cấp theo yêu cầu của việc đấu thầu này.
- Thành viên đứng đầu của Liên danh phải chịu trách nhiệm cho ít nhất [...] tổng giá thầu theo yêu cầu của việc đấu thầu này.

Điều 3. Hiệu lực của Thỏa thuận Liên danh

1. Thỏa thuận Liên danh có hiệu lực kể từ ngày được ký kết.

2. Thỏa thuận Liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và hoàn thành hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Đơn vị mua sắm chấp thuận thì các bên phải thành lập Thỏa thuận Liên danh mới. Thỏa thuận Liên danh mới phải được các bên ký kết;
- *Liên danh không trúng thầu;*
- Liên danh không ký kết hợp đồng;
- Thỏa thuận liên danh này được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên và được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ___ bản, nộp kèm theo HSĐX 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU
[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[tên đầy đủ, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Lưu ý:

(1) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc ở trên. Liên quan đến Liên danh, Đơn dự thầu sẽ được ký và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của mỗi thành viên của Liên danh hoặc được ký bởi thành viên đứng đầu Liên danh.

(2) NCC phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(3) NCC phải ghi rõ nội dung công việc chi tiết và ước tính giá trị tương ứng của các nhiệm vụ trong việc cung cấp đồng phục do các thành viên của Liên danh thực hiện.